

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: -Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
-Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: Công ty cổ phần vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin  
Trụ sở chính: Đường Huỳnh Thúc Kháng, Phường Cẩm Đông, Thành phố Cẩm Phả,  
Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 0333.862.343

Fax: 0333.864.038

Website:www.tmcsvn

Người thực hiện công bố thông tin: NGUYỄN NGỌC HẢI

Địa chỉ: Phòng Kế toán Thống kê - Công ty cổ phần vận tải và đưa đón thợ mỏ -  
Vinacomin

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0904.689.474;

Fax: 0333.864.038

Loại thông tin công bố: 24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ   
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo thường niên năm 2015.**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn  
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 28 tháng 03 năm 2016

**Người thực hiện công bố thông tin**



**Nguyễn Ngọc Hải**



Số 203 / BC- ĐDTM

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 3 năm 2016

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**  
**Năm báo cáo: 2015**

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

+ Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN.

+ Biểu tượng công ty:



- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần. Mã số doanh nghiệp: 5700477326 do phòng đăng ký kinh doanh - sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp. Đăng ký lần đầu: ngày 22 tháng 12 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 5: ngày 31 tháng 12 năm 2015.

- Vốn điều lệ: 32.797.970.000 đồng ( Ba mươi hai tỷ, bảy trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng)

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 32.797.970.000 đồng ( Ba mươi hai tỷ, bảy trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng)

- Trụ sở: Đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh QN.

- Điện thoại: 0333 862 343

- Fax : 0333 864. 038

- Website : www.tms.vn

- Email : vpgd@tms.vn

- Mã cổ phiếu: VTM Ly



## **Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty Cổ phần Vận tải và đưa đón thợ mỏ tiền thân là Xí nghiệp Vận tải hành khách được thành lập ngày 01/01/1987 theo quyết định số 628 TCP/TCCB, là đơn vị trực thuộc Công ty Than Cẩm Phả.

Năm 2000, Xí nghiệp trực thuộc Công ty Vật tư Vận tải và xếp dỡ theo quyết định số 22/2000/QĐ-BCN ngày 05/4/2000 của Bộ Công nghiệp.

Ngày 01/01/2004 Xí nghiệp Vận tải và đưa đón thợ mỏ chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Vận tải và đưa đón thợ mỏ theo quyết định số 2910/QĐ-HĐQT ngày 23/12/2003 của HĐQT Tổng công ty Than Việt Nam, nay là Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty có 12 cổ đông, gồm Tập đoàn và 11 cổ đông là các công ty con của Tập đoàn.

Tháng 7/2011, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin và cơ cấu lại cổ đông. Theo đó, Công ty có 693 cổ đông, gồm Tập đoàn và 692 cổ đông khác là người lao động trong công ty.

Từ tháng 12/2011, Công ty trở thành công ty đại chúng theo công văn số 4033/UBCK-QLPH ngày 30/11/2011 của Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Thực hiện sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tại Công văn số 3131/TKV-TCNS ngày 07/7/2015 về tăng vốn điều lệ và đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty cổ phần. Công ty đã tổ chức tiến hành các bước tăng vốn điều lệ và đăng ký giao dịch. Đến ngày 31/12/2015, Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ninh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 5 với số vốn điều lệ là 32.797.970.000 đồng.

Từ ngày 01/02/2016, toàn bộ cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn UPCOM của Sở GDCK Hà Nội và kết thúc quá trình thực hiện tăng vốn điều lệ và đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty, cụ thể:

- Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 3.279.797 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch: 32.797.970.000 đồng (Ba mươi hai tỷ, bảy trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng)

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

### **- Ngành nghề kinh doanh**

<b>TT</b>	<b>Tên ngành nghề</b>
1	Vận tải hành khách đường bộ khác
2	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
3	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
4	Khai thác và thu gom than cứng - Chế biến và kinh doanh than
5	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch
6	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
7	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
8	Điều hành tua du lịch
9	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ



## **- Địa bàn kinh doanh**

Nhiệm vụ chính của Công ty là đưa đón công nhân các công ty khai thác, chế biến, kinh doanh than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam vùng Cẩm Phả - Hạ Long - Uông Bí đi làm hàng ngày đảm bảo tuyệt đối an toàn; đáp ứng kịp thời phục vụ sản xuất các mỏ và không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ đưa đón công nhân. Ngoài ra, công ty còn thực hiện chuyên chở khách du lịch, dịch vụ vận chuyển than và sửa chữa thiết bị vận tải cho các khách hàng.

## **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- Mô hình quản trị: Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, gồm: Đại hội đồng cổ đông - Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát.

- Cơ cấu quản lý: Giám đốc, các Phó giám đốc, Trưởng các phòng ban và Quản đốc các phân xưởng.

- Sơ đồ tổ chức của Công ty:

## **4. Định hướng phát triển**

### **- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

+ Đảm bảo an toàn trong tất cả các lĩnh vực SXKD, luôn chú trọng an toàn đưa đón công nhân. Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, hiệu lực quản lý và chất lượng phục vụ; xây dựng uy tín, thương hiệu của Công ty.

+ Bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho các cổ đông; đảm bảo đủ việc làm, ổn định thu nhập, đời sống cho CNCB trong Công ty vì sự phát triển ổn định, bền vững của Công ty.

+ Thực hiện tốt các nghĩa vụ, các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước.

### **- Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

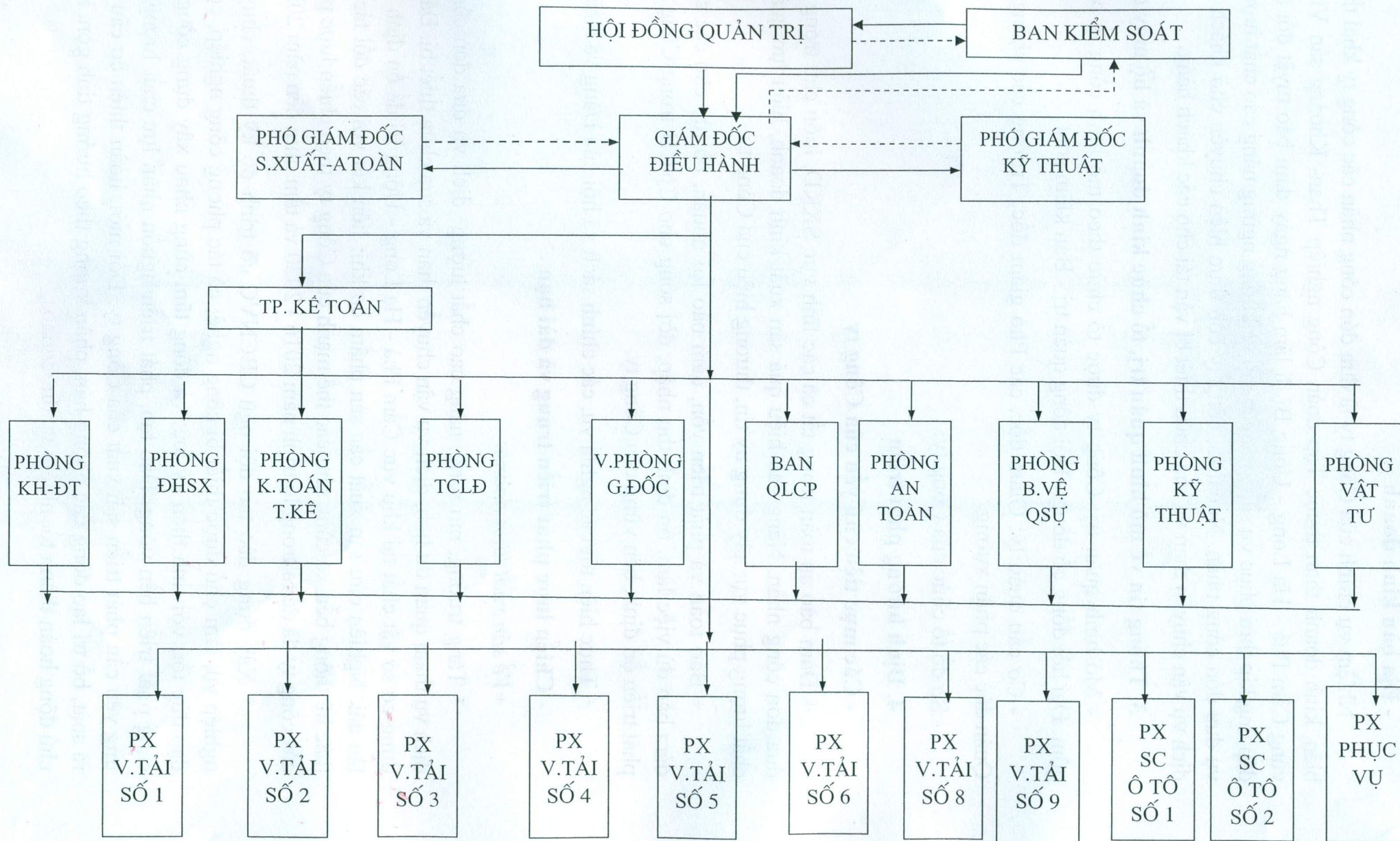
+ Về sản xuất kinh doanh:

\* Tăng trưởng, mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ đưa đón công nhân, dịch vụ tham quan du lịch, dịch vụ vận chuyển than và sửa chữa thiết bị. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất tại khu vực Cẩm Phả - Hạ Long - Uông Bí để ổn định sản xuất lâu dài. Nghiên cứu sản xuất các sản phẩm cơ khí; liên kết với các đối tác để khai thác hệ thống bến xe cũng như các thế mạnh của Công ty theo chiến lược phát triển của công ty đã đề ra trong lộ trình năm 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

\* Xây dựng đào tạo đội ngũ CBCNV có trình độ kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ, làm chủ được thiết bị công nghệ; có tác phong công nghiệp, có tư chất đạo đức tốt, với tinh thần kỷ luật và đồng tâm cùng nhau xây dựng công ty ngày càng phát triển bền vững. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất của Công ty. Đổi mới, hoàn thiện cơ cấu tổ chức; rà soát, bố trí lao động các phòng ban, phân xưởng theo hướng tinh gọn, hiệu quả, chủ động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.



# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC QUẢN LÝ- ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ-VINACOMIN



ly



\* Xây dựng nếp sống văn hoá trong doanh nghiệp, làm tốt công tác thi đua khen thưởng, phát động phong trào thi đua tại các đơn vị, tổ đội, tại các phân xưởng góp phần động viên khích lệ CNV hoàn thành tốt công việc được giao.

\* Xây dựng mối quan hệ với các đơn vị trong vùng, trong ngành, trong nước để nắm bắt kịp thời những thành tựu khoa học áp dụng trong ngành vận tải ô tô và sửa chữa thiết bị xe trung xa; những thông tin về thị trường, sản phẩm và các thông tin liên quan đến chiến lược phát triển của Công ty để có phương án điều chỉnh kịp thời.

+ *Về tài chính*: Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định. Tích cực tìm nguồn vốn đáp ứng nhu cầu phục vụ SXKD với chi phí thấp. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các khoản thu chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; việc quản lý, sử dụng tài sản và các nguồn hình thành tài sản. Theo dõi và tăng cường quan hệ đối chiếu công nợ với các đơn vị khách hàng và các ngân hàng để có đủ tài chính phục vụ sản xuất. Theo dõi và cân đối tài chính để thanh toán cho các đối tượng phải trả.

+ *Về đời sống của CBCNV*: Đảm bảo đủ việc làm, ổn định thu nhập, cải thiện đời sống tinh thần vật chất của người lao động. Thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước, của cấp trên về chế độ chi trả bồi dưỡng độc hại, BHLĐ và mua BHXH, BHYT, BHTN, khám sức khỏe định kỳ cho CNLĐ theo quy định. Duy trì cơ chế trả lương gắn với chất lượng sản phẩm dịch vụ và hiệu quả công việc; đảm bảo sự công bằng công khai khuyến khích người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

### **- Các mục tiêu phát triển bền vững**

+ Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý của hệ thống toàn Công ty, phát huy tinh thần đổi mới và sáng tạo trong bộ máy lãnh đạo, quản lý, tiếp tục kiện toàn bộ máy lãnh đạo quản lý của Công ty. Thực hiện tốt chiến lược phát triển Công ty năm 2015- 2020 tầm nhìn đến năm 2030. Thực hiện tốt công tác tuyển dụng và đào tạo đảm bảo chất lượng, phù hợp yêu cầu cho quản lý, sản xuất và kinh doanh, phù hợp với điều kiện công việc của các đối tượng tham gia, với mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tiếp tục rà soát sửa đổi bổ sung hệ thống quy chế, quy định và quản lý nội bộ. Nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong mọi hoạt động của Công ty.

+ Trên cơ sở phân tích chính sách vĩ mô của Chính phủ, kế hoạch phối hợp kinh doanh ký với Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam và diễn biến của thị trường đặc biệt là thị trường vốn và tài chính; xây dựng và điều chỉnh linh hoạt kế hoạch SXKD đảm bảo an toàn hiệu quả và phát triển bền vững hài hòa với lợi ích xã hội, thân thiện với môi trường. Sử dụng hiệu quả các dự án đầu tư thiết bị, công nghệ, các công trình xây dựng. Nghiên cứu, lựa chọn xây dựng kế hoạch đầu tư đáp ứng yêu cầu SX của Công ty giai đoạn tiếp theo.



+ Phát động các phong trào thi đua phấn đấu hoàn thành kế hoạch; phong trào tổ xe máy giành năng suất cao, các hoạt động văn hoá thể thao nhằm động viên CBCNV năng động sáng tạo, tích cực ứng dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, phấn đấu xây dựng môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiệu quả vì sự phát triển bền vững của Công ty.

## 5. Các rủi ro

Trong hoạt động kinh doanh của mình, công ty có nguy cơ gặp các rủi ro như sau:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro đặc thù
- Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán
- Rủi ro khác

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của công ty.

- **Rủi ro thị trường:** Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

+ *Rủi ro tiền tệ:* Rủi ro về tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi về tỷ giá. Công ty gần như không bị ảnh hưởng của rủi ro ngoại tệ do giá trị tài sản của công ty có gốc ngoại tệ là rất thấp

+ *Rủi ro lãi suất:* Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi về lãi suất. Rủi ro này của công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay ngắn hạn với lãi suất thả nổi.

+ *Rủi ro giá:* Rủi ro về giá chủ yếu mà công ty phải đối mặt là biến động giá của nguyên, nhiên vật liệu đầu vào và đơn giá dịch vụ vận chuyển công nhân vận chuyển than giảm... *ly*



- **Rủi ro tín dụng:** Rủi ro tín dụng là rủi ro công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác/chủ đầu tư của công ty không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của công ty.

- **Rủi ro thanh khoản:** Rủi ro thanh khoản là rủi ro công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của công ty và luồng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của công ty.

- **Rủi ro đặc thù:** Công ty cổ phần Vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin là Công ty hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực vận tải. Bên cạnh đó, do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam vừa là cổ đông lớn (nắm giữ 95,24% vốn điều lệ), vừa là khách hàng lớn và cũng là nhà cung cấp của Công ty. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng từ kết quả hoạt động của ngành than như việc các mỏ giảm sản lượng khai thác tiêu thụ than dẫn tới giảm đưa đón công nhân đi làm, việc tái cơ cấu lao động dẫn tới giảm số lượng lao động tại các mỏ. Như vậy, ngoài những rủi ro của ngành vận tải, Công ty phải chịu thêm những rủi ro trên của ngành than cũng như rủi ro biến động giá cả, rủi ro về sự thay đổi theo hướng bất lợi của thời tiết,...

- **Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán:** Cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá cổ phiếu của Công ty sẽ là một phần cấu tạo nên và do đó chịu ảnh hưởng của sự biến động chung của thị trường chứng khoán Việt Nam, và rộng hơn là tình hình chung của thị trường chứng khoán thế giới. Trong ngắn hạn, giá cả của cổ phiếu ít chịu ảnh hưởng của các biến số như tình trạng nền kinh tế hay doanh thu của công ty mà sẽ được quyết định bởi quy luật cung - cầu, tâm lý của nhà đầu tư và thậm chí cả những yếu tố phi kinh tế khác. Đây là những biến số ngẫu nhiên, thiếu tính ổn định và khó có thể dự đoán trước, qua đó, chúng làm gia tăng rủi ro biến động giá cho nhà đầu tư.

- **Rủi ro khác:** Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, biến động lãi suất, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh



- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

ĐVT: VND

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2014	Năm 2015
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	300.657.669.657	341.172.527.611
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>300.657.669.657</b>	<b>341.172.527.611</b>
4	Giá vốn hàng bán	11	254.815.040.769	293.801.498.616
5	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>	<b>45.842.628.888</b>	<b>47.371.028.995</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	88.145.547	23.595.582
7	Chi phí hoạt động tài chính	22	12.092.952.029	10.546.288.092
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	11.910.428.348	10.446.957.563
8	Chi phí bán hàng	24		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	30.332.129.063	31.175.418.030
10	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>3.505.693.343</b>	<b>5.672.918.455</b>
11	Thu nhập khác	31	2.322.794.953	719.719.591
12	Chi phí khác	32	317.905.685	780.705.822
13	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>	<b>2.004.889.268</b>	<b>-60.986.231</b>
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	5.510.582.611	5.611.932.224
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.244.587.874	1.373.790.596
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		
17	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>	<b>4.265.994.737</b>	<b>4.238.141.628</b>
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.301	838

ly



**- Tình hình thực hiện so với kế hoạch**

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2015	TH NĂM 2015	So sánh (%)	
					KH 2015	Thực hiện 2014
<b>I</b>	<b>Sản lượng</b>					
1	Hành khách	HK	6.020.000	6.284.308	104,4	101,5
2	Tkm chở CN	Tkm	32.200.000	40.710.386	126,4	161,5
3	Tkm v/c than	Tkm	2.530.000	2.518.020	99,5	70,3
<b>II</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Tr đ</b>	<b>320.600</b>	<b>341.915</b>	<b>106,6</b>	<b>112,8</b>
1	Vận chuyển CN	Tr đ	297.500	320.169	107,6	118,2
2	V/c than	Tr đ	9.600	9.562	99,6	54,9
3	Sửa chữa T. bị	Tr đ	12.000	11.307	94,2	91,4
4	Thu khác	Tr đ	1.500	877	58,5	36,7
<b>III</b>	<b>Chi phí</b>	<b>Tr đ</b>	<b>315.500</b>	<b>336.303</b>	<b>106,6</b>	<b>113,0</b>
<b>IV</b>	<b>LN trước thuế</b>	<b>Tr đ</b>	<b>5.100</b>	<b>5.612</b>	<b>110,0</b>	<b>101,8</b>
<b>V</b>	<b>LĐ bình quân</b>	<b>Người</b>	<b>1.050</b>	<b>1.070</b>	<b>101,9</b>	<b>118,3</b>
<b>VI</b>	<b>TN bình quân</b>	<b>1000đ ng/th</b>	<b>6.935</b>	<b>7.146</b>	<b>103,0</b>	<b>97,5</b>

Trong năm sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định, tăng trưởng và phát triển mạnh mẽ, an toàn an ninh trật tự được giữ vững. Việc làm, thu nhập của người lao động được đảm bảo; năng lực quản lý, điều hành sản xuất của đội ngũ cán bộ viên chức của công ty được nâng cao; ý thức tự giác chấp hành kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp, chất lượng lao động đã có chuyển biến tích cực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Dịch vụ đưa đón công nhân tiếp tục tăng trưởng và mở rộng: Triển khai thành công phương án đưa đón công nhân cho các công ty, gồm:

+ Từ ngày 01/01/2015 tiếp nhận nhiệm vụ đưa đón công nhân công ty than Hạ Long, Hà Tu, Núi Béo, công ty XDM HLI.

+ Trong tháng 7, tháng 8/ 2015 tiếp nhận nhiệm vụ đưa đón công nhân công ty Tuyển than Hòn Gai, Tuyển than Cửa Ông, Kho vận và Cảng Cẩm Phả, Hóa chất mỏ Cẩm Phả; HCM Quảng Ninh.

+ Từ ngày 01/01/2016 tiếp nhận toàn bộ đưa đón công nhân công ty than Mông Dương.

Tổ chức tốt việc đưa đón công nhân về quê nghỉ tết và dịch vụ tham quan, nghỉ cuối tuần, cho công nhân các mỏ và nhân dân trong vùng. Xây dựng, triển khai các phương án điều hành sản xuất phù hợp với thực tế sản xuất đảm bảo an toàn, tiết kiệm, hiệu quả.



## 2. Tổ chức và nhân sự

### - Danh sách ban điều hành:

T T	Họ và tên	Năm sinh	Nghề nghịệp	Chức vụ	Trú quán	Số CP sở hữu
1	Ông: Phan Văn Cường	24/01/1965	Kỹ sư ô tô máy kéo	Giám đốc	Tổ 1, khu Hoà Lạc, Phường Cẩm Bình, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.	1.073
2	Ông: Lương Văn Hiếu	06/10/1963	Kỹ sư Cơ khí ô tô	Phó GD	Tổ 5, khu Tân Lập 4, phường Cẩm Thủy, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.	1.073
3	Ông: Hoàng Minh Sơn	28/7/1971	Kỹ sư Cơ khí ô tô	Phó GD	Tổ 31, Hoà Lạc, phường Cẩm Bình, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.	1.073
4	Ông: Nguyễn Ngọc Hải	24/9/1980	Thạc sỹ Kinh tế	Trưởng phòng Kế toán- Thống kê	Tổ 7, phường Cẩm Thành, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	195

- **Những thay đổi trong ban điều hành:** Năm 2015 Công ty không có sự thay đổi trong ban điều hành.

### - Số lượng cán bộ nhân viên, chính sách đối với người lao động

+ Tổng số lao động đến 31/12/2015 là 1.070 người, Công ty không có hợp đồng lao động ngắn hạn.

+ Chính sách đối với người lao động:

\* Chế độ đối với người lao động được thực hiện theo đúng các qui định của Nhà nước, của Tập đoàn và HĐQT Công ty về quản lý tiền lương và tiền thưởng phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của Công ty. Ban hành qui chế quản lý, sử dụng quỹ tiền lương, tiền thưởng cũng như qui định thanh toán lương, trả lương theo chỉ tiêu giao khoán đến từng đơn vị trong Công ty. Mọi sản phẩm đều có đơn giá, tiền lương và được gắn liền với số lượng, chất lượng sản phẩm; trả lương trực tiếp đến người lao động, đúng kỳ hạn.

\* Về tiền lương: Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống lương theo tính chất công việc. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, áp dụng lương khoán theo khối lượng công việc hoàn thành trong tháng. Đối với cán bộ công nhân viên gián tiếp, nghiệp vụ hưởng lương theo công việc và căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

\* Về công tác đào tạo: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt



nhất; trong thời gian qua, Công ty đã hỗ trợ kinh phí đào tạo cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật. Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề CNVC, tạo phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

\* Về chính sách khen thưởng: Để khuyến khích người lao động, Công ty có những chính sách khen thưởng xứng đáng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, bên cạnh đó công ty cũng áp dụng các quy định xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

\* Công tác đời sống đối với CBCNV: Công ty luôn quan tâm, đảm bảo đủ việc làm ổn định thu nhập cho người lao động theo đúng quy định. Trợ cấp khó khăn cho cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn thường xuyên, kịp thời, đúng đối tượng. Công ty thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động, đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân sản xuất trực tiếp, chế độ nghỉ dưỡng sức, thăm hỏi động viên, cải thiện môi trường và điều kiện làm việc cho người lao động.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn. *Thực hiện kế hoạch Đầu tư-Xây dựng năm 2015*

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐVT	KẾ HOẠCH		THỰC HIỆN		GHI CHÚ
			Số lượng	Giá trị (Tr.đ)	Số lượng	Giá trị (Tr.đ)	
I	<b>Công trình chuyển tiếp</b>			<b>27.638</b>		<b>27.638</b>	
1	Đầu tư 17 xe ô tô chở CN năm 2014 - 2015	Xe	17	27.638	17	27.638	TH xong trong quý III/ 2015
II	<b>Công trình khởi công mới</b>			<b>82.003</b>		<b>27.872</b>	
1	XD nhà ĐHSX công ty			15.750			Chuyển tiếp năm 2016
2	Đầu tư 01 xe CHSX năm 2015	Xe	1	1.085	1	1.085	Nhận xe trong tháng 3/ 2015
3	Mua TSCĐ của các đơn vị trong Tập đoàn TKV năm 2014-2015 ( 43 xe + VKT)		43	16.528	43	15.786	TH xong trong quý III/ 2015
4	Nhượng mua TSCĐ của các đơn vị trong Tập đoàn năm 2015	Xe	20	4.500	20	4.253	Thực hiện trong quý IV/ 2015
5	Đầu tư 01 xe təc năm 2015	Xe	1	2.000	1	1.762	TH xong trong quý III/ 2015
6	Đầu tư hệ thống GSHT xe ô tô chở CN năm 2015			620		590	TH xong trong quý IV/ 2015
7	Đầu tư XD nhà xưởng phục vụ ĐHVT khu vực Uông Bí năm 2015	m2	200	2.760	200	2.493	TH xong trong quý IV/ 2015
8	Đầu tư XD nhà xưởng phục vụ ĐHVT khu vực Hạ Long năm 2015	m2	200	2.760	200	1.903	TH xong trong quý IV/ 2015
9	Đầu tư 20 xe ô tô chở CN năm 2015	Xe	20	36.000	20		Chuyển tiếp năm 2016
	<b>Tổng cộng</b>			<b>109.641</b>		<b>55.510</b>	



Trong năm 2015, Công ty thực hiện một hạng mục, thuộc dự án chuyển tiếp của năm 2014 và các dự án đầu tư được ghi trong KHĐT năm 2015 đảm bảo chất lượng, tiến độ đáp ứng kịp thời cho sản xuất.

Trong quá trình thực hiện đấu thầu như: Lập dự án, Quản lý dự án, lập, phê duyệt HSMT, đăng tải, mở thầu, xét thầu và phê duyệt kết quả đấu thầu, ký kết thực hiện hợp đồng... được công ty thực hiện đúng theo pháp luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn về quản lý đầu tư xây dựng của Tập đoàn và của Nhà nước.

Trong năm công ty đã đầu tư mới 17 xe và nhượng mua của các đơn vị trong Tập đoàn 63 xe ô tô đưa đón công nhân, 01 xe CHSX, 01 xe téc chở nước, hệ thống GSHT xe ô tô chở công nhân, đầu tư xây dựng nhà xưởng phục vụ điều hành vận tải khu vực Uông Bí, khu vực Hạ Long nhằm nâng cao chất lượng thiết bị đưa đón công nhân mỏ và phát triển, mở rộng SXKD. Đến nay, gần 100% xe ô tô của Công ty đã được trang bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị nghe nhìn đáp ứng nhu cầu đưa đón công nhân các mỏ theo chủ trương của Tập đoàn.

Năm 2015, giá trị đầu tư thực hiện (tăng tài sản): 71,457 triệu đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Công ty không có các công ty con, công ty liên kết

#### 4. Tình hình tài chính

##### a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014 (đồng)	Năm 2015 (đồng)	% tăng giảm
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng			
Tổng giá trị tài sản	202.050.331.660	195.108.750.183	-3,4
Doanh thu thuần	300.657.669.657	341.172.527.611	13,5
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.505.693.343	5.672.918.455	61,8
Lợi nhuận khác	-60.986.231	2.004.889.268	-3.387,4
Lợi nhuận trước thuế	5.510.582.611	5.611.932.224	1,8
Lợi nhuận sau thuế	4.238.141.628	4.265.994.737	0,7
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	1.344.000.000	1.967.878.200	46,4



b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

S TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b> + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: <u>TS ngắn hạn-Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,57  0,54	0,48  0,42	
2	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b> + Hệ số Nợ/ Tổng tài sản + Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,84 5,07	0,83 4,75	
3	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b> + Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân + Doanh thu thuần/Tổng tài sản	99,967  1,488	46,769  1,749	
4	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b> + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu + Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản + Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,014 0,127 0,021 0,012	0,013 0,126 0,022 0,017	

- Thực hiện đầy đủ chính sách thuế với Nhà nước, các chế độ chi trả BHXH, BHYT, KPCĐ,... liên quan tới người lao động. Duy trì thực hiện tốt đối chiếu và thanh toán công nợ, đến nay không có trường hợp nợ khó đòi. Năm 2015 đã nộp ngân sách với Nhà nước 14.161 triệu đồng và trả phí sử dụng thương hiệu với Tập đoàn TKV theo quy định.

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

a) Cổ phần:

- Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 3.279.797 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch: 32.797.970.000 đồng (Ba mươi hai tỷ, bảy trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng).



b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Tên cổ đông	Phần vốn góp (đồng)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	31.238.090.000	95,24	3.123.809
2	Người lao động trong Công ty	1.559.880.000	4,76	155.988
	<b>Cộng</b>	<b>32.797.970.000</b>	<b>100</b>	<b>3.279.797</b>

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Thực hiện sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tại Công văn số 3131/TKV-TCNS ngày 07/7/2015 về tăng vốn điều lệ và đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty cổ phần; công văn số 4658/TKV-TCNS ngày 28/9/2015 về tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015; Công ty đã triển khai phương án tăng vốn điều lệ và đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty theo đúng các quy định của Nhà nước và của Tập đoàn với kết quả cụ thể như sau:

**- Đăng ký giao dịch lần đầu**

Từ ngày 29/12/2015 cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn UPCOM của Sở GDCK Hà Nội, cụ thể:

- + Tên chứng khoán: Cổ phiếu CTCP Vận tải và đưa đón thợ mỏ-Vinacomin
- + Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- + Mã chứng khoán : VTM
- + Mệnh giá : 10.000đ/ cổ phiếu
- + Giá tham chiếu cổ phiếu trong ngày giao dịch đầu tiên: 21.800 đồng/cổ phiếu
- + Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 1. 680.000 cổ phiếu
- + Giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch : 16.800.000.000 đồng (Mười sáu tỷ, tám trăm triệu đồng).

**- Kết quả thực hiện tăng vốn điều lệ và đăng ký giao dịch**

Ngày 07/12/2015 Ủy ban chứng khoán Nhà nước có văn bản số 7579/UBCK-QPLH chính thức chấp thuận kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (vốn chủ sở hữu khác và quỹ đầu tư phát triển của Công ty). Thực hiện văn bản số 7579/UBCK-QPLH ngày 07/12/2015 Ủy ban chứng khoán Nhà nước, HĐQT Công ty đã có quyết định số 158/QĐ-HĐQT ngày 26/12/2015 thông qua kết quả phát hành cho cổ đông hiện hữu năm 2015. Ngày 31/12/2015, Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ninh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 với số vốn điều lệ là 32.797.970.000 đồng.



Từ ngày 01/02/2016, cổ phiếu phát hành thêm của Công ty được giao dịch trên sàn UPCOM của Sở GDCK Hà Nội và kết thúc quá trình thực hiện phương án tăng vốn điều lệ và đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty, cụ thể:

- + Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch bổ sung: 1.599.797 cổ phiếu
- + Giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch bổ sung: 15.997.970.000 đồng (Mười năm tỷ, chín trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng)
- + Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 3.279.797 cổ phiếu
- + Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch: 32.797.970.000 đồng (Ba mươi hai tỷ, bảy trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng)

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e) Các chứng khoán khác: không có

## **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội**

### **6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a). Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

- Dầu diesel : 4.564.658 lít
- Dầu nhớt : 59.997 lít
- Mỡ máy : 1.188 Kg
- Săm lốp : 1.188 bộ
- Bình điện : 109 bình
- Chi phí vật tư: 14.247 triệu đồng

b) Báo cáo phần trăm tỷ lệ nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không

6.2. Tiêu thụ năng lượng: Năng lượng tiêu thụ của Công ty chủ yếu là dầu diesel phục vụ cho công tác vận hành các thiết bị vận tải (chuyên chở công nhân và vận chuyển hàng hóa). Ngoài ra còn một số thiết bị cơ điện tiêu thụ điện năng ( văn phòng, chiếu sáng và điều hòa nhiệt độ...)

### **6.3. Tiêu thụ nước:**

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nguồn cung cấp nước phục vụ cho sinh hoạt và công nghiệp là nguồn nước do xí nghiệp nước Cẩm Phả, Hạ long, Uông bí.

Lượng nước sử dụng trong năm 2015 là 17.229 m<sup>3</sup>.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và sử dụng: Công ty có hệ thống trạm xử lý nước thải của Công ty Môi trường TKV, sau khi xử lý tận dụng và thải ra môi trường.

6.3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: *ly*



a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: không

#### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Số lượng lao động: 1070 người; mức lương trung bình: 7.146.000 đ/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Thường xuyên duy trì và có nhiều biện pháp cải thiện điều kiện cơ sở vật chất tại nơi làm việc cho người lao động như: Hệ thống nhà xưởng khu Điều hành vùng Uông Bí, Hạ long và các thiết bị phục vụ ăn ở cho công nhân ... Đồng thời tổ chức tốt các hoạt động xã hội theo chủ trương của ngành than cũng như của địa phương như: Các hoạt động trợ giúp gia đình công nhân xây dựng nhà ở, chăm lo và giải quyết giúp đỡ các gia đình công nhân khó khăn, ốm đau. Tổ chức các hình thức tham quan du lịch và nghỉ điều dưỡng sức khỏe cho người lao động theo chế độ. Vận động cán bộ công nhân viên chức đóng góp ủng hộ các quỹ của Công ty, ngành than và tỉnh Quảng Ninh và làm từ thiện với các tổ chức xã hội trong và ngoài tỉnh cũng như các phường trên địa bàn. Công ty ủng hộ giúp đỡ các huyện xã nghèo vùng sâu vùng xa, gia đình công nhân trong Tập đoàn bị ảnh hưởng trận mưa lũ năm 2015, ủng hộ đóng góp quỹ xây dựng đường điện ra đảo Cô Tô, làm đường bao biển khu di tích Đền Cửa Ông với số tiền ủng hộ số tiền là 200 triệu đồng. Ngoài ra Công ty còn duy trì tốt các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao nội bộ và tham gia các giải phong trào, hoạt động do Tập đoàn tổ chức. Tổ chức các hoạt động giao lưu văn hoá, văn nghệ, thể thao với các phường xã, doanh nghiệp trên địa bàn. Thống nhất chỉ đạo phong trào thi đua lao động sản xuất trong toàn công ty. Điển hình như các phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch năm vào dịp 12/11, phong trào thi đua dành năng suất cao, Phong trào thi đua chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm được phát động và duy trì thường xuyên hàng tháng, hàng quý. Các hoạt động trên cũng đã góp phần tích cực vào kết quả hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu thi đua của Công ty trong phong trào thi đua do Tập đoàn TKV phát động, chỉ đạo thực hiện.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Huấn luyện bước 1 cho công nhân mới tuyển đạt 144 người.
- Huấn luyện cho mạng lưới ATVSV năm 2015 được 72/72 người.
- Huấn luyện cho các đối tượng làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ đạt 63/63 người
- Huấn luyện cho các đối tượng nhóm I : 49 người
- Tổ chức huấn luyện an toàn định kỳ cho 845 người thuộc các ngành nghề trong Công ty. Ngoài ra, Công ty còn mở các lớp bồi dưỡng, học tập lý thuyết, thi tay nghề nâng bậc cho CBCNVC; huấn luyện, kiểm tra cho công nhân các nghề



đòi hỏi nghiêm ngặt về an toàn; huấn luyện cho màng lưới an toàn vệ sinh viên, lực lượng phòng cháy, chữa cháy; tập huấn cho tổ trưởng tổ sản xuất nhằm nâng cao, bổ sung kiến thức quản lý trong công tác AT, VSLĐ, BHLĐ, PCCC.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Tổ chức thăm hỏi gia đình gặp khó khăn và ủng hộ các tổ chức xã hội trên địa bàn, như: thăm con CNLĐ bị tàn tật nhân dịp 1/6; tặng quà cho các trường trên địa bàn vào các dịp khai giảng, trung thu và Ngày Nhà giáo Việt Nam, hỗ trợ cho các gia đình khó khăn của phường Cẩm Đông, Hội người mù Tỉnh, Hội chữ thập đỏ, quỹ bảo trợ trẻ em, thăm, tặng quà nạn nhân chất độc da cam ...

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Công ty có báo cáo đầy đủ theo quy định

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ % so với kế hoạch	Tỷ lệ % so với năm 2014
1	Giá trị sản xuất kinh doanh				
-	Vé xe	6.020.000	6.834.483	113,5	110,4
-	TKm vận chuyển	34.730.000	47.370.373	136,4	164,6
2	Tổng doanh thu	320.600.000.000	341.915.842.784	106,6	113,7
3	Lợi nhuận trước thuế	5.100.000.000	5.611.932.224	110,0	101,8
4	Nộp ngân sách	13.000.000.000	14.161.272.421	108,9	107,1
5	Thu nhập bình quân	6.935.000	7.146.417	103,0	97,5
6	Đầu tư	109.641.000.000	71.457.158.726	65,2	167,9
7	Tỷ lệ chia cổ tức %	8	6	75,0	75,0

Trong năm, do ảnh hưởng của mưa lũ, nắng nóng kéo dài, đường mở ngày càng xấu, có đoạn thường xuyên sụt lún ách tắc, sửa chữa thường xuyên, xe chở công nhân phải đi đường vòng tránh làm tăng nguy cơ gây mất an toàn và tăng chi phí vận hành. Đơn giá dịch vụ vận chuyển giảm do giá nhiên liệu giảm, trong đó đơn giá vận chuyển công nhân trong năm giảm 04 lần ảnh hưởng tới doanh thu và thu nhập của người lao động. Tuy nhiên năm qua dịch vụ đưa đón công nhân có sự tăng trưởng và phát triển mạnh mẽ, chất lượng dịch vụ được duy trì, nâng cao. Dịch vụ sửa chữa xe ngoài đảm bảo tốt tiến độ, chất lượng sửa chữa, bảo hành; duy

*ly*



trì được đội ngũ thợ sửa chữa lành nghề. Dịch vụ vận chuyển than ổn định, duy trì tốt yêu cầu nhiệm vụ kèm cặp đào tạo lái xe chở người.

Giám đốc - Ban thường vụ Công đoàn Công ty đã ban hành kế hoạch phát động phong trào thi đua năm 2015 động viên toàn thể CNCB thi đua lao động sản xuất, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục CNLD hiểu rõ những khó khăn, cơ hội phát triển của Công ty và có ý thức, trách nhiệm cùng vượt khó, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ trên từng cương vị công tác. Qua đó, năm 2015, SXKD của Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch Tập đoàn giao, việc làm, thu nhập được ổn định, đời sống tinh thần vật chất của người lao động được cải thiện.

#### **- Những tiến bộ công ty đã đạt được**

+ Công tác kế hoạch, điều hành sản xuất: Đã hoạch định phương hướng sản xuất đúng đắn giữa các khâu trong quá trình sản xuất; đầu tư thiết bị phù hợp với điều kiện thực tế phục vụ đưa đón công nhân các mỏ, nâng cao chất lượng phục vụ, tạo nên dịch vụ tiên tiến, hiện đại. Công ty đã gắn mục tiêu hoàn thành kế hoạch với chất lượng dịch vụ và hiệu quả kinh tế, xây dựng cơ chế dân chủ công khai, bình đẳng giữa các đơn vị, từ đó phát huy tối đa nội lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chung của Công ty.

#### **+ Công tác Tổ chức- Quản lý:**

Tổ chức, sắp xếp, các phân xưởng sản xuất phù hợp với yêu cầu mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng quản lý, chất lượng lao động. Tinh giảm bộ máy, đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành sản xuất, lao động, phụ trợ; đồng thời có kế hoạch thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao để phát triển Doanh nghiệp. Bổ sung, ban hành các Quy chế quản lý theo quy định của Tập đoàn và của Nhà nước phù hợp với thực tế của Công ty.

Kịp thời giao kế hoạch sản xuất cho các đơn vị trong Công ty, bàn biện pháp tổ chức thực hiện kế hoạch được giao từ cấp tổ sản xuất đến cấp phân xưởng. Trên cơ sở kế hoạch SXKD do ĐHCĐ đề ra, công ty đã chủ động cân đối kế hoạch khoán quản trị và tiết giảm chi phí, giao khoán chi phí sản xuất cho các đơn vị và đến từng đầu thiết bị. Tuyên truyền, giáo dục việc thực hiện tiết kiệm chi phí, văn hóa chi tiêu tiết kiệm trong mọi lĩnh vực. Từ đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm về công tác khoán quản trị và tiết giảm chi phí của các đơn vị giúp cho công tác điều hành sản xuất, quản trị chi phí năm 2015 đạt hiệu quả.

Tổ chức quản lý tài chính một cách chủ động, linh hoạt, theo đúng quy định. Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, chủ động khai thác các nguồn vốn vay đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ kế hoạch SXKD; chủ động thu hồi công nợ, không có nợ xấu; tài chính của Công ty lành mạnh.

Công tác quản lý vật tư đã được thực hiện từ việc mua bán, đến quản lý vật tư; theo dõi cấp phát đến từng thiết bị, thực hiện tốt việc thu cũ đổi mới. Vật tư được cung cấp đầy đủ, kịp thời phục vụ sản xuất với giá cả cạnh tranh. Hệ thống kho tàng đã được tu bổ thường xuyên, hàng hóa được sắp xếp khoa học thuận tiện cho việc theo dõi, quản lý, cấp phát theo đúng quy định của Tập đoàn.



+ Công tác lao động - tiền lương:

Chế độ đối với người lao động được thực hiện theo đúng các qui định của Nhà nước, của Tập đoàn và HĐQT Công ty về quản lý tiền lương và tiền thưởng phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của Công ty. Ban hành qui chế quản lý, sử dụng quỹ tiền lương, tiền thưởng cũng như qui định thanh toán lương, trả lương theo chỉ tiêu giao khoán đến từng đơn vị trong Công ty. Mọi sản phẩm đều có đơn giá, tiền lương và được gắn liền với số lượng, chất lượng sản phẩm; trả lương trực tiếp đến người lao động, đúng kỳ hạn.

Số lượng cán bộ Cán bộ công nhân viên: 1.070 lao động, không có lao động thời vụ. Công ty thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động, đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân sản xuất trực tiếp, chế độ nghỉ dưỡng sức, thăm hỏi động viên, cải thiện môi trường và điều kiện làm việc cho người lao động.

## 2. Tình hình tài chính

### - Tình hình tài sản và nợ phải trả

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015
1	Cơ cấu tài sản	
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	0,745 0,255
2	Cơ cấu nguồn vốn	
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	0,826 0,174
3	Khả năng thanh toán	
	- Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả	1,211
	- Tổng TSLĐ và đầu tư ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn - Tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	0,480 0,012
4	Tỷ suất lợi nhuận	
	a) Lợi nhuận/doanh thu	
	- LN trước thuế/Doanh thu thuần+DT hoạt động tài chính+thu nhập khác	0,016
	- LN sau thuế/Doanh thu thuần+ DT hoạt động tài chính+thu nhập khác	0,012
	b) Lợi nhuận/Tổng tài sản	
	- LN trước thuế/Tổng tài sản - LN sau thuế/Tổng tài sản	0,029 0,022
c) Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn CSH	0,126	

## 2. Công tác bảo toàn và phát triển vốn

- Tổng tài sản thời điểm 31/12/2015 là 195.108 triệu đồng bằng 96,6% so với đầu năm, nguồn vốn chủ sở hữu 33,952 tỷ đồng, bằng 102% so với đầu năm.



Vốn đầu tư chủ sở hữu là 32,798 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế/ Vốn chủ sở hữu: 16,53%. Tổng nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu: 4,74 lần.

- Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản.

Giá trị TSCĐ tăng trong 2015 là: 71,457 tỷ đồng do đầu tư mới các dự án trong năm và giảm 3,165 tỷ đồng do thanh lý 10 xe ô tô hoạt động lâu năm, đã trích hết khấu hao và không còn giá trị sử dụng. Khấu hao đã trích trong năm 2015 là: 57,780 tỷ đồng

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

+ Tổng số nợ phải trả đến 31/12/2015: 161 157 009 898đ.

Trong đó: - Nợ đến hạn: 103 792 881 437 đ

- Nợ quá hạn (có khả năng thanh toán): 4 355 126 454 đ

+ Tổng số nợ phải thu đến 31/12/2015: 39 633 100 784 đ.

Trong đó: - Nợ quá hạn (có khả năng thu hồi): 6 309 543 135 đ

Không có nợ phải thu khó đòi.

- Nguyên nhân: Do các đơn vị trong Tập đoàn TKV thanh toán chậm nên việc thanh toán nợ cho các Công ty cung cấp nhiên liệu chậm hơn so với hợp đồng dẫn đến tình trạng nợ quá hạn.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hồi đoái đến kết quả hoạt động SXKD của Công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Không có

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.**

Trong năm 2015, công ty đã rà soát và sửa đổi bổ sung một số quy chế ban hành trong nội bộ công ty nhằm nâng cao tính hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn, cụ thể:

- Xây dựng mới quy chế Quản lý cán bộ

- Sửa đổi, bổ sung Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể

Các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, nộp ngân sách, thực hiện chính sách chủ chương của Đảng, Nhà nước, bảo vệ môi trường... của công ty luôn được thực hiện nghiêm theo sự chỉ đạo của Tập đoàn, được các cấp đánh giá cao.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

- Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2016



**+ Kế hoạch SXKD**

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH
<b>I</b>	<b>SẢN LƯỢNG</b>		
1	V/c công nhân		
	- Theo vé	Vé	6.110.000
	- Theo TKM	Tkm	38.200.000
2	V/c than	Tkm	2.500.000
<b>I</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Tr. đ</b>	<b>333.700</b>
1	VC công nhân	Tr. đ	309.600
2	VC than	Tr. đ	9.600
3	S/c xe ngoài	Tr. đ	13.000
4	Thu khác	Tr. đ	1.500
<b>II</b>	<b>Chi phí</b>	<b>Tr. đ</b>	<b>328.000</b>
<b>III</b>	<b>Lợi nhuận</b>	<b>Tr. đ</b>	<b>5.700</b>
<b>IV</b>	<b>Lao động bình quân</b>	<b>Người</b>	<b>1078</b>
<b>V</b>	<b>Thu nhập bình quân</b>	<b>1.000 đ/n/t</b>	<b>7.042</b>

**+ Kế hoạch đầu tư - xây dựng:**

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	KẾ HOẠCH		
		ĐVT	SL	Giá trị
<b>I</b>	<b>Công trình khởi công mới</b>			<b>50.780</b>
1	XD nhà ĐHSX công ty	m2	1.100	15.750
2	Đầu tư 10 xe ô tô chở CN năm 2016	Cái	10	18.000
3	Đầu tư XD nhà xưởng phục vụ ĐHVT khu vực Uông Bí năm 2016	CT	1	3.500
4	Đầu tư XD nhà xưởng phục vụ ĐHVT khu vực Cẩm Phả năm 2016	CT	1	5.000
5	Đầu tư 02 xe ô tô chở than năm 2016 (20 tấn)	Cái	2	6.000
6	Xây dựng nhà sơn xe năm 2016	CT	1	1.650
7	Đầu tư 01 xe nâng hàng năm 2016 ( 3 tấn)	Cái	1	880
	<b>Tổng cộng</b>			<b>50.780</b>

*ly*



**+ Kế hoạch sửa chữa TSCĐ cấp trung đại tu**

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	SL	TỰ LÀM	THUÊ TRONG TKV		THUÊ NGOÀI TKV	
					SL	Giá trị	SL	Giá trị
<b>I</b>	<b>Thiết bị vận tải</b>			<b>3.400</b>				<b>-</b>
1	Xe Transico	Xe	8	2.400				
2	Động cơ trung xa	Cụm	5	1.000				
<b>II</b>	<b>Vật thể kiến trúc</b>			<b>-</b>				<b>1.350</b>
1	S/c nhà chờ bến xe Cửa Ông	CT						600
2	S/c nhà chờ bến xe Độc Lập	CT						750
	<b>Tổng cộng</b>			<b>3.400</b>			<b>-</b>	<b>1.350</b>

+ Các biện pháp chính để thực hiện: Đảm bảo tốt công tác an toàn trong tất cả các lĩnh vực lĩnh vực sản xuất - kinh doanh, nhất là đối với an toàn đưa đón công nhân; nâng cao chất lượng phục vụ; ổn định, mở rộng thị trường đưa đón công nhân; duy trì dịch vụ vận chuyển than tiêu thụ và sửa chữa xe cho khách hàng. Bảo vệ tốt tài sản, giữ vững an ninh chính trị. Phát huy, ngăn ngừa kịp thời các biểu hiện tiêu cực, tệ nạn xã hội. Làm tốt công tác tuyên truyền văn hóa, tuyên truyền AT - BHLĐ trên xe chở công nhân. Tiếp tục hoàn thiện các biện pháp quản trị, tiết giảm chi phí, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo đủ việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, phấn đấu hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016.

**5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)**

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của công ty**

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

- Đối với dịch vụ đưa đón công nhân và vận chuyển than: Công ty thực hiện đúng các quy định, các cam kết về công tác bảo vệ môi trường của các khách hàng cũng như của cấp trên và các cơ quan chức năng.

- Đối với các cơ sở sản xuất của Công ty: Công ty có quy định cụ thể về công tác bảo vệ môi trường, vệ sinh công nghiệp, thu gom rác thải và các chất nguy hiểm độc hại, có cán bộ phụ trách về công tác môi trường. Công ty ký hợp đồng với công ty môi trường đô thị và các công ty thu gom xử lý nước thải, chất thải, rác thải nguy hiểm độc hại để xử lý theo quy định. Tổ chức phun nước dập bụi, trồng cây xanh cải thiện điều kiện làm việc cảnh quan môi trường.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định, hướng dẫn của Nhà



nước, của Tập đoàn và của Công ty về công tác TCLĐ - TL. Sửa đổi, bổ sung Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể, lấy ý kiến tham gia của Người lao động, ban hành quy chế Quản lý cán bộ trong Công ty. Xây dựng và đăng ký lại Nội quy lao động. rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản trong công tác TCLĐ - TL theo đúng quy định của cấp trên và phù hợp với thực tế của Công ty. Thường xuyên kiểm tra đôn đốc các đơn vị trả lương đúng quy chế của Công ty và hướng dẫn của Tập đoàn (*ưu tiên đảm bảo tiền lương cho sản xuất chính*). Bổ sung tiền lương nhân các dịp lễ, tết. Thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước, phân cấp quản lý của Tập đoàn về chế độ chi trả bồi dưỡng độc hại, BHLĐ và mua BHXH, BHYT, BHTN cho CNLĐ theo quy định. Giải quyết trang bị BHLĐ các nhân, bồi dưỡng độc hại kịp thời, đầy đủ, đúng chế độ đối với người lao động. Tổ chức 03 đoàn nghỉ dưỡng sức cho 45 công nhân, 01 chuyến thăm quan cho 50 công nhân tại Đà Lạt, 01 chuyến chuyên học tập kinh nghiệm các tỉnh phía nam cho 48 đối tượng cán bộ từ cấp phó trở lên. Giải quyết chấm dứt hợp đồng cho 72 người với số tiền chi trả trợ cấp là 3.135.474.547 đồng. Hỗ trợ các phân xưởng, khối phòng ban phương tiện để tổ chức cho người lao động trong đơn vị đi tham quan, nghỉ cuối tuần. Mặc dù còn có khó khăn chủ yếu là do đơn giá vận chuyển giảm, song do sản lượng vận chuyển công nhân tăng cao so với kế hoạch, công tác quản trị tiết kiệm chi phí sâu sát đến từng vị trí, đối tượng phát sinh chi phí, do vậy năm 2015 tiền lương bình quân của người lao động vẫn đạt mức 7.146.000 đồng/ người/tháng, bằng 103,0 % so với kế hoạch năm.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Thực hiện Nghị quyết Hội nghị NLĐ năm 1015 về tự nguyện đóng góp xây dựng các quỹ xã hội, nhân đạo, từ thiện. Công ty đã tổ chức thăm hỏi, giúp đỡ CNLĐ khó khăn, tham gia các hoạt động nhân đạo từ thiện, công tác xã hội đảm bảo đúng mục đích, cụ thể:

- Hỗ trợ các trường học nhân dịp khai giảng, ngày nhà giáo Việt Nam, dịp 01/6, tết trung thu với số tiền 11,4 triệu đồng. Ủng hộ các trung tâm bảo trợ xã hội, hội người mù, các quỹ mái ấm tình thương, quỹ vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ khuyến học của địa phương với số tiền 23 triệu đồng. Tổ chức tuyên dương các cháu học sinh giỏi; thăm con CNLĐ bị tàn tật nhân dịp 01/6, trung thu, hỗ trợ thăm hỏi gia đình CNVC khó khăn, ốm hoặc có thân nhân qua đời với số tiền 112,5 triệu đồng. Tổ chức thăm hỏi động viên, hỗ trợ các gia đình CBCNV Công ty khắc phục hậu quả mưa lũ với số tiền là: 29,5 triệu đồng. Trích chuyển về quỹ Tập đoàn để ủng hộ khắc phục hậu quả mưa lũ là: 60 triệu đồng và nộp về quỹ mái ấm công đoàn TKV 40,3 triệu đồng. Ngoài ra còn tổ chức thăm hỏi, động viên tinh thần, vật chất các cá nhân, đơn vị có mối quan hệ với Công ty khi bị TNLĐ hoặc qua đời với số tiền là 24,9 triệu đồng.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

Năm 2015 là năm có nhiều khó khăn và thử thách đối với các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần Vận tải và đưa đón thợ mỏ- Vinacom nói riêng.



Song, với sự chỉ đạo sáng tạo và linh hoạt của ban lãnh đạo Công ty, sự điều hành có tính kế hoạch cao và hiệu quả của hệ thống quản lý, sự đoàn kết thống nhất các tổ chức đoàn thể, sự nỗ lực cố gắng của các phòng ban phân xưởng Công ty đã khắc phục được những khó khăn, hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD, thực hiện tốt nhiệm vụ duy trì nâng cao chất lượng dịch vụ đưa đón công nhân mỏ, bảo toàn phát triển vốn Nhà nước, thực hiện tăng vốn điều lệ và đăng ký giao dịch cổ phiếu công ty Cổ phần theo sự chỉ đạo của Tập đoàn.

Công tác thanh toán công nợ trong năm vẫn còn nhiều khó khăn song công ty đã đảm bảo tài chính, thu xếp vốn đáp ứng tốt cho tất cả nhu cầu hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty. Công tác lập kế hoạch tài chính ngắn và trung hạn, quản lý dòng tiền, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đều được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ đã góp phần nâng cao năng lực công tác quản lý tài chính, nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh. Thực hiện tốt công tác môi trường, công tác xã hội theo đúng quy định của pháp luật, của Tập đoàn và theo các yêu cầu của địa phương.

## **2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Ban Giám đốc Công ty đã kịp thời triển khai các chủ trương chỉ đạo của Tập đoàn; tăng cường các biện pháp quản lý, tổ chức - điều hành sản xuất, tiết kiệm chi phí; tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ nhất là dịch vụ đưa đón công nhân. Giám đốc - Ban thường vụ Công đoàn Công ty đã ban hành kế hoạch phát động phong trào thi đua năm 2015 động viên toàn thể CNCB thi đua lao động sản xuất hoàn thành kế hoạch được giao. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục CNLD hiểu rõ những khó khăn, cơ hội phát triển của Công ty và có ý thức, trách nhiệm cùng vượt khó, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ trên từng cương vị công tác. Qua đó, năm 2015, SXKD của Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch Tập đoàn giao, việc làm, thu nhập được ổn định, đời sống tinh thần vật chất của người lao động được cải thiện, các mặt an toàn an ninh trật tự được giữ vững. Hoạt động của BGD đúng theo theo sự chỉ đạo, điều lệ công ty, triển khai đầy đủ nghiêm túc các nghị quyết của HĐQT, thực hiện đúng theo chính sách của pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

## **3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Chăm lo đời sống người lao động, bảo đảm tốt điều kiện làm việc, phát triển đội ngũ công nhân lành nghề, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước, đảm bảo quyền lợi của cổ đông. Ưu tiên đầu tư thiết bị nâng cao chất lượng phục vụ thợ mỏ. Tiếp tục mở rộng dịch vụ đưa đón công nhân, chuẩn bị tốt các điều kiện để đáp ứng nhu cầu đưa đón công nhân cho các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn và các khách hàng. Đào tạo, phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất của công ty. Đổi mới, hoàn thiện cơ cấu tổ chức; rà soát, bố trí lao động các phòng ban theo hướng tinh gọn, hiệu quả, chủ động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Năm 2015 và những năm tiếp theo Công ty tiếp tục phát huy những thành quả mà Công ty đã giành được trong những năm qua, sẵn sàng vượt qua những khó khăn, thách thức, tìm kiếm cơ hội tăng trưởng mở rộng sản xuất; đầu tư, xây dựng,



nâng cao hiệu quả SXKD. Phân đầu xây dựng môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiệu quả vì sự phát triển bền vững của Công ty.

## V Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

S TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2015	
			Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước	Sở hữu cá nhân
1	Ông: Vũ Đức Tuấn	Chủ tịch HĐQT	3.123.809 cổ phần	-
2	Ông: Phan Văn Cường	Thành viên HĐQT		1.073 cổ phần
3	Ông: Hoàng Minh Sơn	Thành viên HĐQT		1.073 cổ phần

Hội đồng quản trị gồm 03 thành viên, trong đó Chủ tịch HĐQT hoạt động kiêm nhiệm, 02 thành viên tham gia điều hành. Các thành viên HĐQT được phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình theo sự phân công của HĐQT.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban trực thuộc.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Căn cứ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2015, các quy định của Nhà nước, hướng dẫn của Tập đoàn, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và quy chế phối hợp với Ban chấp hành đảng bộ công ty. Trong năm 2015, Hội đồng quản trị công ty đã chỉ đạo bộ máy điều hành quản lý công ty chặt chẽ, minh bạch, đúng pháp luật; đảm bảo quyền lợi của cổ đông. Trong năm 2015, HĐQT đã chỉ đạo 01 lần Đại hội đồng cổ đông thường niên, 01 lần Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung thành viên- chủ tịch hội đồng quản trị và thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng để tăng vốn điều lệ và đăng ký giao dịch cổ phiếu công ty cổ phần; tổ chức 46 lần họp toàn thể (có 04 lần họp thường kỳ, 42 lần họp phát sinh để giải quyết các vấn đề liên quan trong sản xuất) và ban hành 49 Nghị quyết để chỉ đạo sản xuất kinh doanh. Ban hành, sửa đổi các quy chế quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty phù hợp với các quy định của Tập đoàn và của Nhà nước.

Giao chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm cho Ban Giám đốc. Tiếp tục củng cố kiện toàn bộ máy lãnh đạo quản lý từ Công ty đến các phòng ban, phân xưởng. Kịp thời ra các nghị quyết và ban hành các quyết định quản lý, các biện pháp giải quyết tồn đọng, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc và các giải pháp tổ chức, triển khai thực hiện và điều hành quản lý.

Định kỳ sơ kết sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng, năm kiểm điểm các mặt hoạt động công tác trong tổng thể hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ ra những mặt được và chưa được để có những uốn nắn, rút kinh nghiệm.



e) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: 100% các thành viên HĐQT đã qua các lớp học về đào tạo quản trị doanh nghiệp.

### **1. Ông: Vũ Đức Tuấn - Chủ tịch HĐQT**

- Giới tính : Nam

- Số CMTND: 100624782

+ Ngày cấp: 16/5/2007

+ Nơi cấp : Công an tỉnh Quảng Ninh

- Ngày tháng năm sinh: 20/10/1959

- Nơi sinh : Cẩm Phả - Quảng Ninh

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ thường trú: Tổ 3B, khu 6, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0333 626 019

- Trình độ văn hoá : 10/10

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

+ Trưởng ban - Thành viên ban Quản lý vốn Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam;

+ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải và đưa đón thợ mỏ- Vinacomin

+ Chủ tịch Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải- TKV

+ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đại lý Hàng Hải- Vinacomin

+ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Giám định- Vinacomin

- Số lượng chứng khoán sở hữu lại tổ chức đăng ký giao dịch:

- Số lượng chứng khoán sở hữu lại tổ chức đăng ký giao dịch:

+ Sở hữu cá nhân: Không

+ Sở hữu đại diện cho Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam:  
3.123.809 cổ phần Chiếm: 95,24 Vốn điều lệ

- Sở hữu chứng khoán của người có liên quan: Không

### **2. Ông: Phan Văn Cường- Giám đốc - Thành viên TT HĐQT**

- Giới tính : Nam


- Số CMTND: 100232950

+ Ngày cấp: 31/3/2004



- + Nơi cấp : Công an tỉnh Quảng Ninh
- Ngày tháng năm sinh: 24/01/1965
- Nơi sinh : Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 1, khu Hoà Lạc, Phường Cẩm Bình, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0333 716 771
- Trình độ văn hoá : 10/ 10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Ô tô và Máy kéo
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số lượng chứng khoán sở hữu lại tổ chức đăng ký giao dịch:
- Số lượng chứng khoán sở hữu lại tổ chức đăng ký giao dịch:
- + Sở hữu cá nhân: 1.073. Chiếm: 0,032 Vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu chứng khoán của người có liên quan: Không

### **3. Ông: Hoàng Minh Sơn - Phó giám đốc - Thành viên HĐQT**

- Giới tính : Nam
- Số CMND: 100504760
- + Ngày cấp: 28/7/1993
- + Nơi cấp : Công an tỉnh Quảng Ninh
- Ngày tháng năm sinh: 10/10/1971
- Nơi sinh : Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 31, Hoà Lạc, phường Cẩm Bình, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 0333 862 278
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí Ô tô
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số lượng chứng khoán sở hữu lại tổ chức đăng ký giao dịch:
- Số lượng chứng khoán sở hữu lại tổ chức đăng ký giao dịch: 



- + Sở hữu cá nhân: 1.073. Chiếm: 0,032 Vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu chứng khoán của người có liên quan: Không

## 2. Ban kiểm soát

a) Thành viên cơ cấu Ban kiểm soát

S TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2015	
			Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước	Sở hữu cá nhân
1	Ông: Phạm Xuân Phong	Trưởng Ban KS	-	-
2	Ông: Nguyễn Ngọc Thành	Thành viên Ban KS		195cổ phần
3	Bà: Trịnh Thị Huệ	Thành viên Ban KS		195cổ phần

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, hoạt động kiêm nhiệm. Các thành viên Ban Kiểm soát được phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình theo sự phân công của Trưởng ban Kiểm soát.

### 1. Ông: Phạm Xuân Phong - Trưởng ban Kiểm soát

- Giới tính : Nam
- Số CMTND: 013240406
- + Ngày cấp: 23/12/2009
- + Nơi cấp : Công an TP. Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: 12/10/1964
- Nơi sinh : Kim Bảng, Hà Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phố Dương Quảng Hàm - Phường Quan Hoa - Quận Cầu Giấy - TP Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0438515807
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- + Phó trưởng Ban Kiểm soát nội bộ Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam
- + Trưởng Ban Kiểm soát Công CP Than Miền Trung TKV
- + Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin
- Số lượng chứng khoán sở hữu lại tổ chức đăng ký giao dịch:
- + Sở hữu cá nhân: Không
- + Sở hữu đại diện: Không



- Sở hữu chứng khoán của người có liên quan: Không

**2. Ông: Nguyễn Ngọc Thành - Thành viên ban Kiểm soát**

- Giới tính : Nam

- Số CMTND: 100449075

+ Ngày cấp: 14/6/2010

+ Nơi cấp : Công an tỉnh Quảng Ninh

- Ngày tháng năm sinh: 19/8/1968

- Nơi sinh : Cẩm Phả, Quảng Ninh

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ thường trú: Tổ 3, khu 3B, phường Cẩm Trung, Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0333 862344

- Trình độ văn hoá : 12/ 12

- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư công nghệ chế tạo máy

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Quản đốc Phân xưởng sửa chữa ô tô số 1, công ty CP Vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin.

- Số lượng chứng khoán sở hữu lại tổ chức đăng ký giao dịch:

+ Sở hữu cá nhân: 195 Chiếm: 0,0059% Vốn điều lệ

+ Sở hữu đại diện: Không

- Sở hữu chứng khoán của người có liên quan: Không

**3. Bà: Trịnh Thị Huệ - Thành viên ban Kiểm soát**

- Giới tính : Nữ

- Số CMTND: 100449876

+ Ngày cấp: 30/12/2005

+ Nơi cấp : Công an tỉnh Quảng Ninh

- Ngày tháng năm sinh: 08/01/1966

- Nơi sinh : Cẩm Phả, Quảng Ninh


- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ thường trú: Khu Minh Tiến A, phường Cẩm Bình, Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0333 863022

- Trình độ văn hoá : 10/ 10

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân 



- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Nhân viên phòng Kế toán- Thống kê, công ty CP Vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin.
- Số lượng chứng khoán sở hữu lại tổ chức đăng ký giao dịch:
  - + Sở hữu cá nhân: 195 Chiếm: 0,0059% Vốn điều lệ
  - + Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu chứng khoán của người có liên quan: Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

- Đại diện cho các cổ đông để kiểm soát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Kiểm tra, kiểm soát việc ban hành các văn bản quản lý nội bộ, tình hình thực hiện các Nghị quyết, quyết định, các quy chế, quy định của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc công ty.

- Tham dự các cuộc họp của hội đồng quản trị, có ý kiến về công tác sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. HĐQT, Ban giám đốc đã cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. Đồng thời, tạo điều kiện cho BKS thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty.

- Xem xét các báo cáo tài chính hàng kỳ (quý, sáu tháng, chín tháng và cả năm) của Công ty, tư vấn và hướng dẫn công tác quản lý và hạch toán kế toán phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hàng quý thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, báo cáo tình hình SXKD của Giám đốc công ty. Kết quả, các báo cáo phản ánh trung thực tình hình hoạt động SXKD và thực trạng tài chính của Công ty tại thời điểm báo cáo.

- Kết hợp với Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Công ty để kiểm soát việc quản lý và sử dụng phần vốn của Tập đoàn, nhằm bảo toàn và phát triển vốn của Nhà nước.

- Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành, báo cáo hoạt động SXKD và báo cáo tài chính của công ty năm 2015. Xem xét báo cáo kiểm toán do Công ty kiểm toán độc lập: Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội phát hành.

- Trong năm 2015, BKS đó thực hiện tốt chức năng của mình, như: giám sát Hội đồng Quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và quý của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

- **Chứng chỉ đào tạo:** 100% các thành viên HĐQT, BKS, Ban giám đốc đó qua các lớp học về đào tạo quản trị doanh nghiệp.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:**



a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 (ngày 31/3/2015) đã thông qua mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo các mức như sau:

- Mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

TT	CHỨC DANH	MỨC LƯƠNG VCQL CHUYÊN TRÁCH ( Theo QĐ1666/QĐ- TKV ngày 30/7/2014)	MỨC THÙ LAO HÀNG THÁNG
1	Chủ tịch HĐQT	24.300.000đ	24.300.000đ x 19%= 4.610.000đ
2	Ủy viên HĐQT-Giám đốc	23.400.000đ	23.400.000đ x 19%= 4.440.000đ
3	Ủy viên HĐQT-P. Giám đốc	20.700.000đ	20.700.000đ x 19%= 3.930.000đ
4	Trưởng BKS	20.700.000đ	20.700.000đ x 19%= 3.930.000đ
5	Ủy viên BKS	18.900.000đ	18.900.000đ x 19%= 3.590.000đ

\* Mức thù lao trên áp dụng theo quyết định số 1964/TKV-LĐTL ngày 18/4/2014 của Tổng giám đốc Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam về trích lập, sử dụng quỹ thưởng và trả thù lao viên chức quản lý doanh nghiệp; quyết định số 1666/QĐ-TKV ngày 30/7/2014 của Tổng giám đốc Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam về quy định mức tiền lương, hệ số giãn cách tiền lương một số vị trí công việc và cơ chế trả lương theo vị trí việc làm áp dụng trong TKV.

- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích tại công ty:

ĐVT: VNĐ

S TT	Họ và tên	Thành phần	Thù lao /năm 2015	Tiền lương /năm 2015
1	Lê Quang Bình	Chủ tịch HĐQT	32.270.000	
2	Vũ Đức Tuấn	Chủ tịch HĐQT	23.050.000	
3	Phan Văn Cường	Thành viên HĐQT - Giám đốc	53.280.000	305.140.000
4	Hoàng Minh Sơn	Thành viên HĐQT- P. Giám đốc	52.440.000	269.930.000
5	Phạm Xuân Phong	Trưởng Ban kiểm soát	52.440.000	
6	Nguyễn Ngọc Thành	Thành viên Ban kiểm soát	43.808.000	198.003.000
7	Trịnh Thị Huệ	Thành viên Ban kiểm soát	43.808.000	99.649.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>299.640.000</b>	<b>872.722.000</b>

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Giám đốc, trưởng phòng Kế toán, các cán bộ quản lý, thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên chưa có giao dịch cổ phiếu. *ly*



c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

e) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý của công ty luôn tuân thủ theo quy định của pháp luật và các quy định của Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam về quản trị công ty.

## **VI. Báo cáo tài chính**

### **1. Ý kiến kiểm toán**

Kiểm toán độc lập: Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội (địa chỉ: số 1, Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội).

- Ý kiến kiểm toán độc lập: không

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu VP, TK HĐQT.



**Phan Văn Cường**